

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2026/DS-ST
Ngày 24/8/2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng thế chấp”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2026/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng thế chấp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Quốc N, sinh năm 1974; Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Chị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh N và chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trình bày:

Vào ngày 07/10/2025 chị P có cho vợ chồng anh N và chị H vay số tiền là 220.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng,

tính từ ngày 07/10/2025 đến ngày 07/4/2026, lãi trả hàng tháng. Việc vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tiền và có công chứng tại Văn phòng C1 do Công chứng viên Nguyễn Ngọc T chứng nhận. Tài sản đảm bảo thế chấp là thửa đất số 219, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre). Chị P đã đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật và hiện chị P đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang thế chấp nêu trên có số vào sổ là CH00893 do anh N và chị H đứng tên trên giấy chứng nhận.

Từ khi vay tiền đến nay anh N và chị P không trả vốn và lãi cho chị P. Chị P đã nhiều lần yêu cầu anh N và chị H thanh toán số tiền vay và tiền lãi theo như thỏa thuận nêu trên nhưng anh N và chị H không thực hiện.

Chị P yêu cầu anh N và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị P số tiền như sau:

1. Nợ gốc là: 220.000.000 đồng.
2. Nợ lãi tính từ ngày 07/10/2025 đến ngày 24/8/2026 là 10 tháng 14 ngày, cụ thể: 220.000.000 đồng x 1,5% x 10 tháng 14 ngày, thành tiền là 34.540.000 đồng.

Tổng cộng là 254.540.000 đồng.

3. Nếu anh N và chị H không thanh toán được số tiền nêu trên cho chị P thì chị P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp đối với thửa đất số 219, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại: ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre) số vào sổ là CH00893 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp anh Phạm Quốc N và chị Nguyễn Thị H vào ngày 01/7/2014 để thu hồi nợ.

4. Trong trường hợp tài sản không đủ để đảm bảo thực hiện việc trả khoản nợ thì chị P yêu cầu anh N và chị H phải tiếp tục có nghĩa vụ thi hành án đến khi hoàn tất số nợ cho chị P.

Đối với chi phí tố tụng chị P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định. Chị P yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Phạm Văn Quốc N và chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng thế chấp” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị Hồng cư T1** tại **ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Huỳnh Thị Kim C** có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Huỳnh Thị Kim C**.

- Anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị P** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị P** đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị P**.

[4] Về nội dung vụ án: Chị **Nguyễn Thị P** anh **Phạm Văn Quốc N** và phải có nghĩa vụ trả liên đới trả cho chị **P** nợ gốc là 220.000.000 đồng, nợ lãi là 34.540.000 đồng, tổng cộng là 254.540.000 đồng.

[5] Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là các bản gốc “Hợp đồng vay tiền” ngày 7/10/2025; “Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất” ngày 10/10/2025; Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 219 tờ bản đồ số 8 tọa lạc **ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long** và Bản gốc Văn bản giao, nhận tiền ngày 07/10/2025 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị H** đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng anh **N** và chị **H** vẫn vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị **P** giao nộp nêu trên để xét xử vụ án.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị P**, xét thấy: hợp đồng vay tài sản giữa chị **P** với anh **N** và chị **H** được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng anh **N** và chị **H** đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó yêu cầu khởi kiện của chị **P** là có căn cứ nên buộc anh **N** và chị **H** có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **P** số tiền là 254.540.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu của bà **P** về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 219 tờ bản đồ số 8 có diện tích 1374mm² tọa lạc tại **ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long**. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 07/10/2025 giữa chị **P** với anh **N** và chị **H** được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên các bên phải thực quyền và nghĩa vụ với nhau. Chị **P** yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp anh **N** và chị **H** không thanh toán được số tiền nêu trên cho chị **P** là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp đã ký kết, phù hợp với quy định Thông tư

39/2016/TT-NHHH ngày 30/12/2016 và các Điều 299, 320 và Điều 323 Bộ luật Dân sự; các Điều 49 và 52 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của chị **P** được chấp nhận nên anh **N** và chị **P** phải chịu là 400.000 đồng. Do số tiền này chị **P** đã nộp tạm ứng nên anh **N** và chị **P** phải hoàn trả cho chị **P**.

[10] Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chấp nhận nên anh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 227, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 229, 320, 323, 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị P**. Buộc anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị **Nguyễn Thị P** nợ gốc là 220.000.000 đồng và nợ lãi 34.540.000 đồng, tổng cộng là 254.540.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị H** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì chị **Nguyễn Thị P** được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 219, tờ bản đồ số 8, diện tích 1374m² tọa lạc tại **A, xã B, huyện M nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long** do anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị H** đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 07/10/2022 để thu hồi nợ.

3. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết số tiền nêu trên thì anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị H** vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho chị **Nguyễn Thị P**.

3. Về chi phí tố tụng: Anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị P** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **Nguyễn Thị P** là 400.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh **Phạm Văn Quốc N** và chị **Nguyễn Thị P** phải liên đới nộp là 12.727.000 đồng.

- Chị **Nguyễn Thị P** được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.995.000 đồng theo biên lai thu số 0004820 ngày 18 tháng 3 năm 2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân